

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP
DẦU KHÍ VIỆT NAM**

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY LẮP
ĐƯỜNG ống BỒN BỂ DẦU KHÍ**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 28/12/2007
(ngày thành lập) đến ngày 31/12/2008**

MỤC LỤC

| <u>NỘI DUNG</u> | <u>TRANG</u> |
|--------------------------------------|---------------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC | 1 |
| BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN | 2 - 3 |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN | 4 - 5 |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | 6 |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ | 7 |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 8 - 15 |



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH một thành viên Xây lập Đường ống Bồn bể Dầu khí (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 28/12/2007 (ngày thành lập) đến ngày 31/12/2008.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Thành viên

| | |
|----------------------|--------------------------------------|
| Ông Đỗ Đức Thọ | Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 20/8/2008) |
| Ông Nguyễn Ngọc Dũng | Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 20/8/2008) |
| Ông Tô Xuân Mai | Ủy viên |
| Ông Thái Doãn Thuyết | Ủy viên |

Ban Giám đốc

| | |
|----------------------|---|
| Ông Thái Doãn Thuyết | Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 20/8/2008) |
| Ông Đỗ Đức Thọ | Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 20/8/2008) |
| Ông Hoàng Ngọc Tuyên | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Tô Xuân Mai | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Nguyễn Văn Bình | Phó Tổng Giám đốc |

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không.
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Thái Doãn Thuyết
Tổng Giám đốc

Vũng Tàu, ngày 09 tháng 02 năm 2009

Số: 197 /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Kính gửi: **Ban Giám đốc**
Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp Đường ống Bồn bể Dầu khí

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2008 cùng với các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ của Công ty TNHH một thành viên Xây lắp Đường ống Bồn bể Dầu khí (sau đây gọi tắt là “Công ty”) cho kỳ hoạt động từ ngày 28/12/2007 (ngày thành lập) đến ngày 31/12/2008. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Ngoại trừ hạn chế phạm vi kiểm toán dưới đây, chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Hạn chế phạm vi kiểm toán

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 2, phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty nhận bàn giao số liệu tại thời điểm 1/1/2008 trên cơ sở tổng hợp số liệu của Xí nghiệp Xây lắp Đường ống bồn bể & điện nước, Xí nghiệp Sửa chữa các công trình Dầu khí và Ban Cù Lao Tào, đây là các số liệu chưa được kiểm toán. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến nhận xét về số dư nhận bàn giao tại ngày 1/1/2008 cũng như ảnh hưởng của chúng đến số liệu trên báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 28/12/2007 đến ngày 31/12/2008 của Công ty.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các điều chỉnh cần thiết do ảnh hưởng của hạn chế nêu trên, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty TNHH một thành viên Xây lắp Đường ống Bồn bể Dầu khí tại ngày 31/12/2008 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 28/12/2007 đến ngày 31/12/2008, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.



Chúng tôi xin lưu ý:

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 16, phần Thuyết minh báo cáo tài chính, trong kỳ Công ty áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 14% - theo mức ưu đãi thuế được áp dụng cho Công ty mẹ - Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam. Quyết định sau cùng về thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho kỳ hoạt động từ ngày 28/12/2007 đến ngày 31/12/2008 tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.



Đặng Chí Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0030/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 09 tháng 02 năm 2009

Nguyễn Đức Tiến
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0517/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

MẪU B 01-DN
Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|------------|-------------|------------------------|-----------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100)=110+130+140+150 | 100 | | 352.798.872.377 | 77.158.613.218 |
| I- Tiền | 110 | | 10.302.415.177 | 1.553.549.625 |
| 1. Tiền | 111 | 4 | 10.302.415.177 | 1.553.549.625 |
| II- Các khoản phải thu | 130 | | 140.892.261.054 | 8.897.773.128 |
| 1. Phải thu của khách hàng | 131 | | 9.091.611.739 | 4.202.384.036 |
| 2. Trả trước cho người bán | 132 | | 16.085.863.294 | 4.863.745.282 |
| 3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | 115.591.486.441 | - |
| 4. Các khoản phải thu khác | 135 | | 512.413.078 | 363.043.516 |
| 5. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi | 139 | | (389.113.498) | (531.399.706) |
| III- Hàng tồn kho | 140 | 5 | 188.930.913.070 | 65.296.893.155 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 188.930.913.070 | 65.296.893.155 |
| IV- Tài sản ngắn hạn khác | 150 | 6 | 12.673.283.076 | 1.410.397.310 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | 13.640.909 | - |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 11.372.061.001 | - |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 154 | | 64.247.051 | - |
| 4. Tài sản ngắn hạn khác | 158 | | 1.223.334.115 | 1.410.397.310 |
| B- TÀI SẢN DÀI HẠN (200 =220 + 260) | 200 | | 26.508.741.041 | 8.992.736.492 |
| I- Tài sản cố định | 220 | | 23.450.507.089 | 8.548.747.484 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 7 | 23.450.507.089 | 8.548.747.484 |
| - Nguyên giá | 222 | | 44.103.138.896 | 23.224.987.649 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (20.652.631.807) | (14.676.240.165) |
| II- Tài sản dài hạn khác | 260 | | 3.058.233.952 | 443.989.008 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 8 | 3.008.233.952 | 379.989.008 |
| 2. Tài sản dài hạn khác | 268 | | 50.000.000 | 64.000.000 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200) | 270 | | 379.307.613.418 | 86.151.349.710 |

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 15 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

MẪU B 01-DN
Đơn vị tính: VND

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|------------|-------------|------------------------|-----------------------|
| A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 320) | 300 | | 329.307.613.418 | 83.924.783.992 |
| I- Nợ ngắn hạn | 310 | | 329.093.049.969 | 83.924.783.992 |
| 1. Vay và nợ ngắn hạn | 311 | 9 | 28.697.225.242 | - |
| 2. Phải trả cho người bán | 312 | | 88.661.383.473 | 16.401.082.455 |
| 3. Người mua trả tiền trước | 313 | | 179.025.064.430 | 33.082.176.960 |
| 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 314 | 10 | 263.248.730 | 2.711.071.043 |
| 5. Phải trả người lao động | 315 | | 9.039.250.558 | 3.592.187.838 |
| 6. Chi phí phải trả | 316 | 11 | 5.276.924.523 | 3.297.922.022 |
| 7. Phải trả nội bộ | 317 | | - | 9.550.074.754 |
| 8. Các khoản phải trả, phải nộp khác | 319 | 12 | 18.129.953.013 | 15.290.268.920 |
| II- Nợ dài hạn | 330 | | 214.563.449 | - |
| 1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm | 336 | | 214.563.449 | - |
| B- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410) | 400 | | 50.000.000.000 | 2.226.565.718 |
| I- Nguồn vốn, quỹ | 410 | 13 | 50.000.000.000 | 2.226.565.718 |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | | 50.000.000.000 | - |
| 2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 420 | | - | 2.226.565.718 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400) | 440 | | 379.307.613.418 | 86.151.349.710 |

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

| Chỉ tiêu | Số cuối năm | Số đầu năm |
|------------------------------------|-------------|------------|
| 1. Ngoại tệ các loại USD EUR | 301,15 | - |



Thái Doãn Thuyết
Tổng Giám đốc

Vũng Tàu, ngày 09 tháng 02 năm 2009

Mai Đình Bảo
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 15 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ hoạt động từ ngày 28/12/2007 đến ngày 31/12/2008

MẪU B 02-DN
Đơn vị tính: VND

| | Mã số | Thuyết minh | Kỳ hoạt động từ ngày 28/12/2007 đến 31/12/2008 |
|---|-------|-------------|--|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 14 | 321.402.776.837 |
| 2. Các khoản giảm trừ | 02 | | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02) | 10 | | 321.402.776.837 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | 15 | 300.293.109.895 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11) | 20 | | 21.109.666.942 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | | 847.430.369 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | | 2.143.923.137 |
| <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i> | 23 | | 2.143.923.137 |
| 8. Chi phí bán hàng | 24 | | - |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | | 12.706.283.101 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)} | 30 | | 7.106.891.073 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | | 3.150.940.240 |
| 12. Chi phí khác | 32 | | 3.226.740.217 |
| 13. Lợi nhuận khác (40=31-32) | 40 | | (75.799.977) |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40) | 50 | | 7.031.091.096 |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 16 | 985.985.570 |
| 16. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51) | 60 | | 6.045.105.526 |



Thái Doãn Thuyết
Tổng Giám đốc

Vũng Tàu, ngày 09 tháng 02 năm 2009

Mai Đình Bảo
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 15 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 28/12/2007 đến ngày 31/12/2008

MẪU B 03-DN
Đơn vị tính: VND

| Chỉ tiêu | Mã số | Kỳ hoạt động từ ngày 28/12/2007 đến 31/12/2008 VND |
|--|-----------|---|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | 7.031.091.096 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản | | |
| - Khấu hao tài sản cố định | 02 | 3.082.961.734 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | (142.286.208) |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện | 04 | (303.221) |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | (847.127.148) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | 2.143.923.137 |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | 11.268.259.390 |
| - (Tăng) các khoản phải thu | 09 | (141.741.871.658) |
| - (Tăng) hàng tồn kho | 10 | (123.634.019.915) |
| - (Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11 | 194.615.615.326 |
| - (Tăng) chi phí trả trước | 12 | (2.641.885.853) |
| - Tiền lãi vay đã trả | 13 | (2.143.923.137) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 14 | (1.050.232.621) |
| - Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | 14.000.000 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | (65.314.058.468) |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | (4.648.484.045) |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 847.127.148 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | (3.801.356.897) |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | |
| 1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | 33 | 53.280.601.469 |
| 2. Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | 24.583.376.227 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | 77.863.977.696 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | 50 | 8.748.562.331 |
| Tiền đầu kỳ | 60 | 1.553.549.625 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | 303.221 |
| Tiền cuối kỳ | 70 | 10.302.415.177 |



Thái Doãn Thuyết
Tổng Giám đốc

Vũng Tàu, ngày 09 tháng 02 năm 2009

Mai Đình Bảo
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 15 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH một thành viên Xây lắp Đường ống Bồn bể Dầu khí (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 02/QĐ-HĐQT-TCT ngày 21 tháng 12 năm 2007 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam, trên cơ sở sáp nhập Xí nghiệp Xây lắp Đường ống bồn bể và điện nước; Xí nghiệp Sửa chữa các công trình Dầu khí và Ban Cù Lao Tào thuộc Công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí. Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH một thành viên số 4904000227 ngày 28 tháng 12 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cấp, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 14 tháng 01 năm 2008.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 50 tỷ đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 543 người.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Thi công các công trình đường ống, bồn bể chứa;
- Lắp đặt các hệ thống thiết bị công nghệ, hệ thống thiết bị điều khiển, tự động hóa công nghiệp; Lắp đặt các hệ thống đường dây tải điện và các hệ thống điện dân dụng và công nghiệp khác;
- Sửa chữa phương tiện vận tải thủy;
- Khảo sát, duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa các công trình khí (ngoài biển, đất liền), các công trình thi công xây dựng và dân dụng cảng sông, cảng biển, và các công trình công nghiệp khác;
- Kinh doanh đô thị văn phòng; siêu thị và nhà ở;
- Đầu tư xây dựng các nhà máy chế tạo cơ khí thiết bị phục vụ ngành dầu khí;
- Đầu tư xây dựng các nhà máy đóng tàu, vận tải dầu, khí, hóa chất, nhà máy đóng giàn khoan;
- Đầu tư xây dựng cảng sông, cảng biển;
- Đầu tư xây dựng các khu công nghiệp;
- Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông;
- Đầu tư xây dựng các dự án hạ tầng, các công trình thủy lợi, đê, kè, bến cảng, cầu đường, công trình dân dụng và công nghiệp khác;
- Đầu tư khai thác mỏ (cát đá,...);
- Đóng tàu vận tải dầu, khí, hóa chất;
- Chế tạo thiết bị cơ khí phục vụ ngành dầu khí, đóng tày và kinh doanh cảng sông, cảng biển;
- Chế tạo, lắp đặt các chân đế giàn khoan, các kết cấu kim loại, các bồn bể chứa (xăng, dầu, khí hóa lỏng, nước), bình chịu áp lực và hệ thống công nghệ;
- Mua bán thiết bị xây dựng dầu khí;
- Sản xuất các sản phẩm công nghiệp (kho chứa, nhiệt điện, thủy điện,...);
- Vận chuyển dầu và khí hóa lỏng, hóa chất;
- Kinh doanh vật liệu xây dựng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Công ty được thành lập trên cơ sở sáp nhập Xí nghiệp Xây lắp Đường ống bồn bể & điện nước, Xí nghiệp Sửa chữa các công trình Dầu khí và Ban Cù Lao Tào, theo Biên bản bàn giao vốn góp số 1022/BB-TCKT-TCT ngày 12/4/2008 của Tổng Công ty cổ phần xây lắp Dầu khí Việt Nam cho Công ty thì số dư đầu kỳ của Công ty là số liệu nhận bàn giao vốn từ ngày 1/1/2008 trên cơ sở số liệu tổng hợp của bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2007 của 3 đơn vị nêu trên.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch. Báo cáo tài chính được lập cho kỳ hoạt động đầu tiên của Công ty từ ngày 28/12/2007 (ngày thành lập) đến ngày 31/12/008.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng.

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Trong kỳ, Công ty không trích lập dự phòng công nợ phải thu khó đòi cho một số khoản công nợ tạm ứng do các khoản này đã được trích lập dự phòng trên báo cáo tài chính năm 2007 của Công ty Cổ phần xây lắp Dầu khí Việt Nam (nay là Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam).

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hoá tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 13/2006/TT-BTC ngày 27/02/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn "Chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng, giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp". Tuy nhiên, theo đánh giá của Công ty, tại thời điểm 31/12/2008, Công ty không có vật tư, hàng hoá tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất nên không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

| | <u>Năm</u> |
|--|------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 5 - 25 |
| Máy móc, thiết bị | 5 - 10 |
| Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn | 5 - 7 |
| Thiết bị quản lý | 3 - 7 |

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn thể hiện giá trị còn lại của các khoản chi phí có thể mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty dài hơn một năm. Các khoản chi phí này được vốn hoá và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính nhưng không quá ba năm.

Ghi nhận doanh thu

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu được ghi nhận theo giá trị sản lượng hoàn thành. Chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán, được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng và giá trị dở dang cuối kỳ theo dự toán. Phần công việc phát sinh thêm, các khoản bồi thường và các khoản tiền thưởng được ghi nhận theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với phần chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà khả năng thu được là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng được ghi nhận là toàn bộ chi phí phát sinh trong kỳ.

Khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng, khoản lỗ ước tính được ghi nhận ngay vào chi phí.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Trong kỳ, Công ty áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 14% - theo mức ưu đãi thuế được áp dụng cho Công ty mẹ - Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam.

Việc xác định thuế thu nhập phải trả và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả kinh doanh và chỉ được ghi vào vốn chủ sở hữu nếu liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần. Tại ngày 31/12/2008, Công ty không ghi nhận khoản thuế thu nhập hoãn lại do các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập là không trọng yếu.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN

| | <u>Số cuối năm</u> <u>VND</u> | <u>Số đầu năm</u> <u>VND</u> |
|--------------------|----------------------------------|---------------------------------|
| Tiền mặt tại quỹ | 258.658.106 | 14.271.292 |
| Tiền gửi ngân hàng | 10.043.757.071 | 1.539.278.333 |
| Cộng | <u>10.302.415.177</u> | <u>1.553.549.625</u> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. HÀNG TỒN KHO

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|--------------------------------------|------------------------|-----------------------|
| Nguyên liệu, vật liệu tồn kho | 949.808.874 | 796.305.946 |
| Công cụ, dụng cụ trong kho | 391.378.794 | 139.900.438 |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 187.589.725.402 | 64.360.686.771 |
| Cộng | 188.930.913.070 | 65.296.893.155 |

6. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|---|-----------------------|----------------------|
| Chi phí trả trước ngắn hạn | 13.640.909 | - |
| Thuế GTGT được khấu trừ | 11.372.061.001 | - |
| Thuế và các khoản phải thu nhà nước | 64.247.051 | - |
| Tạm ứng | 1.071.452.633 | 1.179.333.608 |
| Các khoản cầm cố, ký quỹ ký cược ngắn hạn | 30.000.000 | 15.000.000 |
| Tài sản thiếu chờ xử lý | 121.881.482 | 216.063.702 |
| Cộng | 12.673.283.076 | 1.410.397.310 |

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

| | Nhà cửa, vật kiến trúc VND | Máy móc, thiết bị VND | P.tiện vận tải, TB truyền dẫn VND | Thiết bị quản lý VND | Tổng cộng VND |
|--|----------------------------------|-----------------------------|---|----------------------------|-----------------------|
| NGUYÊN GIÁ | | | | | |
| Số đầu năm | 2.890.034.194 | 16.737.947.621 | 1.328.806.694 | 2.268.199.140 | 23.224.987.649 |
| Tăng trong năm | 6.713.014.256 | 11.462.903.603 | 3.770.712.023 | 2.113.141.291 | 24.059.771.173 |
| - Mua sắm mới | - | 3.810.550.478 | - | 837.933.567 | 4.648.484.045 |
| - Nhận từ các đơn vị thuộc TCT | 6.713.014.256 | 7.652.353.125 | 3.770.712.023 | 1.275.207.724 | 19.411.287.128 |
| Giảm trong năm | 3.044.783.992 | 108.015.934 | - | 28.820.000 | 3.181.619.926 |
| - Chuyển cho các đơn vị thuộc TCT | 3.044.783.992 | 108.015.934 | - | 28.820.000 | 3.181.619.926 |
| Số cuối năm | 6.558.264.458 | 28.092.835.290 | 5.099.518.717 | 4.352.520.431 | 44.103.138.896 |
| HAO MÒN LUỸ KẾ | | | | | |
| Số đầu năm | 1.885.926.274 | 9.882.093.211 | 973.410.805 | 1.934.809.875 | 14.676.240.165 |
| Tăng trong năm | 3.260.313.963 | 1.863.500.221 | 331.064.086 | 1.441.305.236 | 6.896.183.506 |
| - Trích vào chi phí | 570.986.360 | 1.863.500.221 | 331.064.086 | 317.411.067 | 3.082.961.734 |
| - Nhận từ các đơn vị khác thuộc TCT | 2.689.327.603 | - | - | 1.123.894.169 | 3.813.221.772 |
| Giảm trong năm | 908.552.060 | - | - | 11.239.804 | 919.791.864 |
| - Chuyển cho các đơn vị khác thuộc TCT | 908.552.060 | - | - | 11.239.804 | 919.791.864 |
| Số cuối năm | 4.237.688.177 | 11.745.593.432 | 1.304.474.891 | 3.364.875.307 | 20.652.631.807 |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | | | |
| Số cuối năm | 2.320.576.281 | 16.347.241.858 | 3.795.043.826 | 987.645.124 | 23.450.507.089 |
| Số đầu năm | 1.004.107.920 | 6.855.854.410 | 355.395.889 | 333.389.265 | 8.548.747.484 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Kỳ hoạt động từ
ngày 28/12/2007
đến 31/12/2008
VND

| | |
|------------------------------|----------------------|
| Số dư đầu kỳ | 379.989.008 |
| Tăng trong kỳ | 3.843.168.440 |
| Phân bổ vào chi phí trong kỳ | (1.214.923.496) |
| Số dư cuối kỳ | 3.008.233.952 |

9. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

Số dư vay ngắn hạn tại 31/12/2008 là 28.697.225.242 đồng bao gồm các khoản vay sau đây:

- Khoản vay ngắn hạn còn phải trả theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 13/2007/HĐTDHM-TCĐK-15.14 ngày 10 tháng 7 năm 2007 giữa Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam và Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh tại Vũng Tàu tại 31/12/2008 là: 11.372.572.342 đồng, thời hạn trả nợ tháng 3/2009, lãi suất vay 0,95% tháng.

- Khoản vay ngắn hạn còn phải trả theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 12/TDHM-BL-NH/PVEC08 ngày 26/3/2008 giữa Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam và Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam, bao gồm 2 khế ước vay sau:

+ Khế ước vay số tiền 6.991.537.913 đồng, lãi suất vay 1,75%/tháng, thời hạn trả nợ 6/11/2009

+ Khế ước vay số tiền 10.333.114.987 đồng, lãi suất vay 1,25%/tháng, thời hạn trả nợ 12/12/2009 .

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|-----------------------|--------------------|----------------------|
| Thuế giá trị gia tăng | - | 2.660.014.031 |
| Thuế khác | 263.248.730 | 51.057.012 |
| Cộng | 263.248.730 | 2.711.071.043 |

11. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

| | Số cuối năm VND |
|---|----------------------|
| Chi phí san lấp mặt bằng CT N/M Khí Điện đạm Cà Mau | 2.991.842.506 |
| Chi phí vật tư, thiết bị CT khí thấp áp giai đoạn 2 | 1.153.746.008 |
| Kinh phí nộp cấp trên | 1.131.336.009 |
| Cộng | 5.276.924.523 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP KHÁC

| | Số cuối năm VND |
|--|-----------------------|
| Kinh phí công đoàn | 411.946.884 |
| Bảo hiểm xã hội | 22.057.775 |
| Bảo hiểm y tế | 12.846.808 |
| Phải trả Tổng Công ty CP Xây lắp DK Việt Nam | 17.585.084.860 |
| Phải trả khác | 98.016.686 |
| Cộng | 18.129.953.013 |

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND | Lợi nhuận chưa phân phối VND | Tổng VND |
|-----------------------------------|-------------------------------------|------------------------------------|------------------------|
| Số đầu năm | - | 2.226.563.718 | 2.226.563.718 |
| Tăng trong năm | 50.000.000.000 | 6.045.105.526 | 56.045.105.526 |
| Nhận bàn giao vốn từ Tổng Công ty | 50.000.000.000 | - | 50.000.000.000 |
| Lợi nhuận trong kỳ | - | 6.045.105.526 | 6.045.105.526 |
| Giảm trong năm | - | (8.271.669.244) | (8.271.669.244) |
| Chi khác (*) | - | (8.271.669.244) | (8.271.669.244) |
| Số cuối năm | 50.000.000.000 | - | 50.000.000.000 |

(*) Đây là lợi nhuận năm 2007 của Công ty (trước kia là các xí nghiệp) và lợi nhuận năm 2008 nộp về Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam.

14. DOANH THU

| | Kỳ hoạt động từ ngày 28/12/2007 đến 31/12/2008 VND |
|-----------------------------|---|
| Doanh thu hoạt động xây lắp | 319.229.766.122 |
| Doanh thu hoạt động khác | 2.173.010.715 |
| Cộng | 321.402.776.837 |

15. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

| | Kỳ hoạt động từ ngày 28/12/2007 đến 31/12/2008 VND |
|---------------------------|---|
| Giá vốn hoạt động xây lắp | 298.287.658.147 |
| Giá vốn hoạt động khác | 2.005.451.748 |
| Cộng | 300.293.109.895 |

87-C
TY
HỮU HA
TTE
AM
CP. H

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

**Kỳ hoạt động từ
ngày 28/12/2007
đến 31/12/2008
VND**

| | |
|---|----------------------|
| Lợi nhuận kế toán trước thuế | 7.031.091.096 |
| Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ | 11.662.973 |
| <i>Chi phí không hợp lý, hợp lệ</i> | <i>11.662.973</i> |
| Thu nhập chịu thuế | 7.042.754.069 |
| Thuế suất | 28% |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 1.971.971.139 |
| Trừ: Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm | (985.985.570) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 985.985.570 |

Trong kỳ, Công ty áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 14% - theo mức ưu đãi thuế được áp dụng cho Công ty mẹ - Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam. Quyết định sau cùng về thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho kỳ hoạt động từ ngày 28/12/2007 đến ngày 31/12/2008 tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

17. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Do ảnh hưởng của những biến động trong nền kinh tế, ngành nghề hoạt động của Công ty đang chứa đựng các rủi ro về sự biến động giá thị trường của các loại nguyên vật liệu dùng cho thi công. Những thay đổi lớn về giá nguyên vật liệu thi công có thể ảnh hưởng lớn đến những lợi ích và nghĩa vụ kinh tế của Công ty. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty cho rằng sự thay đổi của thị trường cũng như ảnh hưởng của các chính sách quản lý vĩ mô của Chính phủ là rất khó dự đoán. Vì vậy, Ban Giám đốc Công ty không thể lượng hóa được sự ảnh hưởng của vấn đề này đối với các công trình đang thi công của Công ty. Kết quả cuối cùng sẽ chỉ được xác định khi hoàn thành thi công và nghiệm thu bàn giao cho các chủ đầu tư.

18. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trình bày là bảng cân đối kế toán tại ngày 1/1/2008 được tổng hợp từ bảng cân đối kế toán của Xí nghiệp Xây lắp Đường ống Bồn bể, Xí nghiệp Sửa chữa các công trình Dầu khí và Ban Cù Lao Tào, là số liệu bàn giao khi thành lập Công ty TNHH một thành viên Xây lắp Đường ống Bồn bể Dầu khí. Kỳ hoạt động từ ngày 28/12/2007 đến ngày 31/12/2008 là kỳ hoạt động đầu tiên nên không có số liệu so sánh của báo cáo kết quả kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Văn phòng Hà Nội

8-Phạm Ngọc Thạch
Quận Đống Đa
Hà Nội, Việt Nam
Tel : +84-4 3852 4123
Fax: +84-4 3852 4143

Văn phòng Tp.Hồ Chí Minh

Lầu 11, Trung tâm Thương mại Sài Gòn
37 Tôn Đức Thắng, Quận 1
Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel : +84-8 3 910 0751
Fax: +84-8 3 910 0750

Văn phòng Hải Phòng

99 Bạch Đằng
Quận Hồng Bàng
Tp. Hải Phòng, Việt Nam
Tel : +84-31 366 9133
Fax: +84-31 366 9414